

"CÂY ĐÀ" FOURNIAU

Ta thường dùng cụm từ "cây đa, cây đề" để chỉ vị lão thành trong một ngành văn hóa, nghệ thuật, khoa học... đáng tôn là sư tổ do tích lũy được nhiều kinh nghiệm, có tài năng và được ngưỡng mộ.

Đối với bạn bè Việt của nhà sử học Pháp Charles Fourniau đã qua đời tại Paris ở tuổi 89, ông thật đáng gọi là "cây đa, cây đề" bởi hai lí do: sự nghiệp nghiên cứu lịch sử Việt Nam hiện đại và tấm lòng tận tụy suốt đời vì tình hữu nghị hai dân tộc Pháp - Việt.

Charles Fourniau sinh năm 1920, trưởng thành qua thử thách của Chiến tranh Thế giới Thứ hai. Ông hăng hái hoạt động trong phong trào hòa bình thế giới, đấu tranh bảo vệ nền độc lập non trẻ của nước Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945. Cùng nhân dân Pháp, ông sớm đấu tranh đòi chấm dứt cuộc "chiến tranh bẩn thỉu". Sau nhiều lần viếng thăm, gặp gỡ và làm việc tại Việt Nam, sự lựa chọn chính trị của ông đã thành niềm thông cảm sâu sắc với nhân dân Việt.

Sau chiến tranh Pháp - Việt, ông không ngừng đóng góp hàn gắn vết thương, xích hai dân tộc gần nhau. Chỉ bảy năm sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ông thành lập Hội Hữu nghị

Pháp - Việt và làm Tổng thư kí một thời gian dài. Nhờ tính trung thực, đối xử tế nhị và tấm lòng đôn hậu của ông, Hội nhận được sự cộng tác nhiệt tình của hội viên thuộc nhiều khuynh hướng, kể cả những đại trí thức, ví dụ nhà văn lớn Aragon⁽¹⁾. Thay mặt Hội, ông tôn vinh Aragon như sau: "Aragon là nhân vật vĩ đại của văn học Pháp. Hội chúng ta hân hạnh được xếp ông vào hàng ngũ các đồng chí trung thành nhất. Không bao giờ ông không đáp lại lời kêu gọi của Hội. Ông đỡ đầu cho nhiều chiến dịch ủng hộ Việt Nam. Tên tuổi ông khắc sâu trong tâm khảm nhân dân Việt, và uy tín ấy gắn với nước Pháp." (Tập san *Hội Hữu nghị Pháp - Việt* số 48, tháng 2 năm 1983.)

Trong và sau chiến tranh chống Mĩ ở Việt Nam, Fourniau huy động các hội viên của Hội Hữu nghị Pháp - Việt giúp đỡ có hiệu quả cuộc kháng chiến và tái thiết nước ta, tổ chức kết nghĩa nhiều vùng của hai nước. Để đóng góp cho nghiên cứu lịch sử Việt Nam ở Pháp, ông cùng các đồng chí lập ra tổ chức CID - Trung tâm Thông tin và Tư liệu về nước Việt Nam hiện đại.

Ông đi lại như con thoi giữa Paris và Hà Nội, ông đến Hà Nội lần cuối năm 2004. Ông rất ngưỡng mộ Hồ Chí Minh và đã được tiếp kiến Chủ tịch nhiều lần, lần cuối cùng là năm 1969, chỉ hai tuần trước khi Chủ tịch qua đời.

Tôi quen Fourniau từ năm 1963, khi ông ở Hà Nội hai năm, làm phóng viên thường trú báo *Nhân đạo*. Hồi đó, tôi làm chủ bút tạp chí *Việt Nam tiến bước* (tiếng Pháp, Anh), được bạn đồng nghiệp có tuổi nghề giúp đỡ nhiều. Không bao giờ tôi quên cái nhìn chăm chú sau đôi mắt kính lớn và nụ cười thân mật của ông. Mỗi lần tôi đến Paris, Fourniau là chỗ dựa của tôi, nhờ sợi dây liên lạc là người bạn chung: bà Françoise Corrèze - nhà thơ và nhà dân tộc học đã viết nhiều tác phẩm về Việt Nam khi hay tin Hà Nội bị Mĩ oanh tạc.

Một kỉ niệm tươi đẹp của tôi là buổi hai bạn tổ chức với danh nghĩa Hội Hữu nghị Pháp - Việt ở Paris, vào mùa xuân

(1) Louis Aragon (3/10/1897-24/12/1982): Nhà thơ, nhà văn, nhà chính trị Pháp (BT).



năm 1983, để tôi thuyết trình về “tâm hồn Việt Nam qua văn học dân gian”. Bà Corrèze và tôi đã viết chung và xuất bản ở Pháp cuốn *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*.

Charles Fourniau gắn tình yêu Việt Nam với sự nghiệp sử học của mình. Ông thuộc tầng lớp sử gia Pháp độc lập tiếp tục công việc của trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp sau khi thời thuộc địa chấm dứt ở Việt Nam. Fourniau là nhà sử học dân thân, có nghĩa là tham gia thiết thực vào tiến trình lịch sử mà mình nhận thấy là chính nghĩa. Ông không giấu điều đó, “dân thân” nhưng khách quan, khoa học. Theo nhà sử học lỗi lạc Anh T. Hodgkin⁽¹⁾: “Tất cả các nhà sử học phải dân thân, dù ít dù nhiều.”

Sau hàng mấy thập kỉ lao động trí óc, Fourniau hoàn thành luận án Tiến sĩ đề sộ *Chiếm đóng Trung Kỳ và Bắc Kỳ 1885-1896, Nho sĩ và nông dân Việt Nam kháng chiến chống thực dân*. Ông trở thành chuyên gia có uy tín về thời kì Pháp chiếm Việt Nam.

Trong *Việt Nam 78* và *Nước Việt Nam như tôi đã thấy*, Fourniau đưa ra các nhận xét thận trọng, không kết luận vội vàng. Qua tìm tòi nghiên cứu, ông tình cờ phát hiện tài liệu về lịch sử Việt Nam mà những nhà sử học Việt không ngờ tới. Điều này không khó hiểu, bởi đa số tài liệu thuộc địa đã được mang về và lưu trữ tại Pháp. Điển hình là vụ Khâm sai Lê Hoan được Pháp giao đặc trách “tiểu trừ” nghĩa quân Đề Thám, bình định Bắc Kỳ: từ trước đến nay, Lê Hoan bị coi là Việt gian “cỡ bự”, Fourniau đã phát hiện ra những tư liệu chứng tỏ Lê Hoan vẫn ngầm giúp Đề Thám và một số sĩ phu yêu nước.

Charles Fourniau đã ra đi, nhưng “cây đa” Fourniau sẽ mãi mãi trong lòng bạn bè Việt Nam như dấu mốc trên con đường hữu nghị giữa hai dân tộc.

(1) Thomas Lionel Hodgkin (3/4/1910-25/3/1982): Sử gia Anh chuyên nghiên cứu lịch sử châu Phi (BT).

NHÀ VIỆT NAM HỌC TẬN TỤY BOUDAREL

Vào khoảng năm 1951-1952, thời kháng chiến chống Pháp, giữa những lán trong rừng già của chiến khu Việt Bắc, tôi gặp một thanh niên Pháp độ 25-26 tuổi, đội mũ Hướng đạo sinh, mặc quần "soóc", cao và hơi gầy, có đôi mắt hiền dịu, vẻ mặt trầm ngâm. Anh rất cởi mở, thích nói chuyện, thích tìm hiểu về Việt Nam, tuy mỗi một vì vừa đi bộ hơn 6 tháng dọc Trường Sơn, lần theo hành trình sau này của đường mòn Hồ Chí Minh, từ bưng biển miền Nam ra Bắc. Đó là Georges Boudarel, Giáo sư triết học tại một trường trung học vùng Pháp chiếm đóng, đã nghe tiếng gọi lương tâm, từ bỏ cuộc sống để dãi thành thị để đồng cam cộng khổ với nhân dân ta.

Hồi đó, tôi có dịp gần nhà trí thức trẻ đầy lí tưởng này vì anh làm công tác giáo dục tù hàng binh Âu, mà tôi là Trưởng Ban giáo dục tù hàng binh Âu - Phi thuộc Cục Địch vận (Tổng cục Chính trị của quân đội). Có lần, anh làm trại phó trại tù binh Pháp 113 trong hơn một năm. Sau Điện Biên Phủ, anh trở về Thủ đô giải phóng, làm chuyên gia cho buổi phát thanh tiếng Pháp tại Đài Tiếng nói Việt Nam và cho Nhà xuất bản Ngoại văn.

Vào những năm 1960, anh buồn bã trở về Pháp, mặc dù án xử tử vắng mặt về tội phản quốc của anh đã được xóa bỏ. Anh dạy



và nghiên cứu về Việt Nam trong mấy chục năm ở Trường Đại học Paris VII cho đến những năm 1990, anh bắt hạnh vì “nổi tiếng”. Tội nghiệp cho anh! Một học giả khiêm tốn như anh đâu muốn “nổi tiếng” kiểu ấy! Tôi chưa thấy ai chỉ vì lương thiện và trung thành với lí tưởng mà chịu số phận gian nan như Bouda (tôi gọi đùa Boudarel là Bouda, Bouddha = ông Phật)! Phía ta có một số cán bộ không hiểu thiện chí của anh khi anh phê phán tệ quan liêu và tham nhũng quá sớm. Phía Pháp kết án tử hình, chính kiến của anh bị nghi ngờ, mặc dù anh là đảng viên của hai Đảng Cộng sản Việt Nam và Pháp.

Đùng một cái, vào năm 1991, J.J. Beucler - nguyên Bộ trưởng Bộ Cựu binh Pháp, từng bị giam 4 năm trong một trại tù binh ở Việt Nam - mở chiến dịch lên án “tên đồ tể” Boudarel về “tội ác chống nhân loại” vì trong khi làm trại phó trại 113 đã tra tấn và gây ra cái chết của hàng loạt tù binh. Vụ án kéo dài gần chục năm, Boudarel bị cắt lương, đi đâu cũng chịu sỉ nhục, nhà ở bị ném đá, vẽ bậy, dư luận dè bủ, bọn quá khích dọa giết.

Nhưng anh được đồng nghiệp, sinh viên và trí thức tiến bộ ủng hộ, lập “ủy ban bảo vệ Boudarel”, và cuối cùng anh thắng cuộc, sau khi sức khỏe giảm sút, tổn của vì theo kiện, còn lại thân tàn ma dại. Anh đã được minh oan. Anh không “phản quốc” khi theo Việt Minh, mà do anh theo lí tưởng tôn trọng quyền độc lập của nước thuộc địa, ý thức dân chủ và bình đẳng của người Pháp chân chính. Anh không là “đồ tể” ở trại 113. Như cựu đại tá Pierre Thomas nhận định, sở dĩ tù binh châu Âu chết nhiều là do khí hậu, thiếu thuốc và ăn uống không đủ chất (mặc dù khẩu phần gấp 2-3 lần, hay ít nhất cũng bằng khẩu phần bộ đội canh gác Việt Nam!), không hề có ngượng dãi, đánh đập.

Tôi không nói thêm nữa về Boudarel, con người dũng cảm sống vì lí tưởng dân chủ. Tôi muốn phác qua vài nét về nhà Việt Nam học Boudarel ít được biết đến hơn ở ta.

Trước tiên, anh gắn bó với Việt Nam bởi sự đam mê tình tào: “Đất nước này đã từng và vẫn chiếm vị trí lớn trong cuộc đời



chúng tôi. Đối với một số người trong chúng tôi, đó là quê hương với nỗi nhớ nhung không bao giờ phai. Đối với một số khác, đó là xứ sở rất xa mà cũng rất gần... Chúng tôi muốn nó lại là một kì vọng cho ngày mai." Do tấm lòng muốn tốt cho Việt Nam, anh có một số ý kiến bị hiểu nhầm là bôi nhọ ta.

Để nghiên cứu Việt Nam, anh học tiếng Việt, sống đời sống Việt Nam trong kháng chiến và thời bao cấp (kể cả lấy vợ Việt Nam), học các môn Văn học, Lịch sử ở Trường Đại học Tổng hợp, dịch tiểu thuyết Việt Nam sang tiếng Pháp, dạy sử Việt Nam ở Paris, tạo một thư viện riêng về Việt Nam ở nhà tại Romainville (có bộ sưu tầm bưu ảnh Đông Dương lớn), thường xuyên tiếp xúc với các bạn sử học Việt Nam như: Phan Huy Lê, Phan Gia Bền, Nguyễn Đức Nghinh... Cùng với P. Brocheux⁽¹⁾, D. Hémerly, Chesneaux, Ch. Fourniau, Feray, Devillers... anh thuộc thế hệ Việt Nam học của Pháp từ chiến tranh Pháp - Việt.

Anh đã viết một loạt sách và tiểu luận nghiên cứu Việt Nam, công phu và có giá trị như: *Từ điển và công điền trong nước Việt Nam cũ*, *Phan Bội Châu niên biểu*, *Truyền thông Cách mạng ở Việt Nam* (cộng tác), *Chính quyền trung ương trong thờ cúng làng xã*, *Phan Bội Châu và xã hội Việt Nam thời ông*, *Tướng Giáp, Hanoi (1936-1996)*, *Hồ Chí Minh, Cộng đồng Việt kiều...*

Anh có gửi tôi bản thảo chưa hoàn thành cuốn *Từ điển kiêng kị Việt Nam*, tôi đã in thành một số đặc biệt của tạp chí Etudes Vietnamiennes (số 1/2001), như thêm một niềm an ủi cho anh, vì sau trận phong ba cuộc đời, anh bị nhồi máu cơ tim, liệt bộ phận, nói rất khó, nằm bệnh viện mấy năm. Giấc mơ của anh được chết ở Việt Nam xa vời.

G. Boudarel mất ngày 26 tháng 12 năm 2003. Một nửa số tro thi hài anh được những người bạn Pháp và Việt Nam ở Pháp rải xuống sông Seine. Và mãi đến năm 2019, phần tro còn lại mới được các bạn Pháp và Việt ở Pháp mang về Việt Nam để rải trên sông Bé (miền Nam), sông Thu Bồn (miền Trung) và sông Hồng (miền Bắc), khép lại hành trình đi dọc Việt Nam của anh.

(1) P. Brocheux (sinh năm 1931): Nhà sử học Pháp - Việt chuyên về lịch sử của Việt Nam và của Đông Dương thuộc Pháp (BT).



NGƯỜI MỸ LÀM THƠ VỀ VIỆT NAM

Tiêu chuẩn của mọi giá trị ở Mỹ là sự thành công. Do đó, không lạ gì khi chủ nghĩa thực dụng (*pragmatism*) sinh ra ở đất Mỹ. Đã có một thời, vào cuối thế kỉ 19, đầu thế kỉ 20, chủ nghĩa thực dụng Mỹ mở rộng ảnh hưởng ra khắp thế giới. Một số nhà Nho Việt Nam biết tư tưởng ấy qua sách của Hồ Thích, triết gia Trung Quốc, về sau theo Tưởng Giới Thạch chạy sang Đài Loan.

Chắc chắn dân Mỹ thực dụng thì không mê thơ như dân Việt Nam (có nhà văn Đức, hình như là Kurt Stern⁽¹⁾, đã nhận định: hai hằng số của lịch sử và văn hóa Việt Nam là chiến tranh và thơ).

Ấy vậy mà trên giá sách của tôi có đến vài tập thơ Mỹ về chiến tranh Việt Nam. Mà tình cờ tôi cũng quen hai người Mỹ làm thơ về Việt Nam. Cái quý là họ không phải hai nhà thơ chuyên nghiệp. Một ông là Conway Jones, Giám đốc Cục Nghệ thuật của quận Alameda, người vạm vỡ, cao lớn, trông giống vệ sĩ trong phim *Ông trùm mặt sẹo* hơn là một người làm thơ.

(1) Kurt Stern (1907-1989): Nhà văn, nhà biên kịch Đức (BT).



Vậy mà sau khi nghe tôi thuyết trình về văn hóa Việt Nam cho đoàn khách Mỹ, ông gặp tôi, chuyện trò và tặng tôi hai bài thơ. Những lời thơ tự do, ngắn gọn, nhẹ nhàng và duyên dáng, đầy cảm tình đối với Việt Nam. Ngồi trên máy bay, trong bầu trời Sài Gòn, ông xúc động nhìn mây trắng, không phải như nỗi buồn Đường thi *Bạch vân thiên tải không du du*, ông cảm thấy niềm vui tràn ngập tâm hồn, vui vì Thành phố Hồ Chí Minh ở dưới kia đang như được cùng mây bay lên phía trước:

*Mây trắng, mềm mại
Đầy sức sống
Hi vọng và chờ mong
Một làn gió mới
Hơi ấm phồn vinh
Sẽ đẩy mây đi*

Bài thơ thứ hai lãng mạn hơn, có nhan đề *Tặng sáng ở Hội An*:

*Những làn sóng mơ màng trong bóng tối
Vờn bờ sông buổi ban mai
Một bác ngồi câu không xa đó
Lặng yên cùng mặt nước bao quanh
Ba con chim vỗ cánh bay
Đua nhau lúc bình minh
Một con nữa lãng đãng bay sau
Theo nhịp chân tình mơ
Áng bình minh viền mây trời lãng đãng
Báo hiệu một ngày mới đã đến
[...]
Đêm dường như vẫn còn chưa dứt
Còn chúng ta phải đứng dậy thôi
Đón chào ngày mới.*

Người Mỹ thứ hai làm thơ mà tôi gặp là ông E. Tick. Ông là nhà tâm lí trị liệu, đã ba chục năm chuyên chữa bệnh tâm thần cho



các cựu binh Mĩ trở về từ các chiến trường, đặc biệt là Việt Nam, Iraq... (theo một tờ báo y học Mĩ, 162 cựu binh Mĩ ở Iraq về bị tâm thần).

Ông đến Việt Nam nhiều lần, dẫn nhiều đoàn cựu binh Mĩ sang thăm lại chiến trường xưa. Thời thanh niên, ông cực lực phản đối chiến tranh Mĩ ở Việt Nam.

Năm 1979, 4 năm sau khi chiến tranh kết thúc, ông bắt đầu điều trị bệnh tâm thần cho các cựu binh. Trong khi chữa bệnh, ông nhập tâm và sống tất cả những điều khủng khiếp của họ. Ông kết luận: "Như một cựu binh thực sự, tôi cần thay đổi hệ thống hình ảnh chiến tranh của chính tôi bằng những hình ảnh mới trong tâm hồn để chữa bệnh, những hình ảnh mang về từ Việt Nam đang theo dòng sống động..."

Năm 2000, ông cùng một người bạn hành hương sang Việt Nam để tìm hiểu và làm lành với đất nước mệnh danh là "kẻ thù cũ". Từ chuyến đi đầu tiên đó, ông tổ chức nhiều cuộc hành hương cho những cựu binh bị chấn thương tinh thần do cảnh bom đạn, chết chóc, tàn phá... Tất cả những nỗi bi quan, chán nản, vô vọng dần dần tan biến nhờ tiếp xúc với nước Việt Nam mang bộ mặt hòa bình cởi mở, đang vươn lên một sức mạnh mới.

Họ đi thăm chùa, đền, nghĩa địa, trường học, bệnh viện, thành phố, làng mạc, đặc biệt là những chiến trường xưa và ngọn núi thiêng như Ngũ Hành hay núi Bà Đen - xưa là nơi ác chiến, giờ là nơi hương khói và cầu nguyện. Các cựu binh thấp hương cầu nguyện để giải thoát nỗi ám ảnh của chiến tranh.

Trong tập thơ *Kim Quy* mà E. Tick tặng tôi, ông kể lại những chuyến hành hương trị liệu tâm lí qua thể loại *haibun* (Nhật) diễn tả du kí, gồm những đoạn văn xuôi tả chuyến đi đường xen lẫn thơ *haiku*⁽¹⁾. Ví dụ như viết về Thành phố Hồ Chí Minh:

Tôi đến thành phố Hồ Chí Minh, Sài Gòn xưa. Một ngọn gió mùa chiều hôm muện màng dội nước từ trên trời xuống.

(1) Loại thơ độc đáo của Nhật Bản, chỉ có 3 dòng gồm 17 âm tiết. Xem bài *Cấy thơ Nhật vào đất Việt* (BT).



Trong khi người bán hàng rong nháo nhào tìm chỗ trú, tôi cùng một sĩ quan không quân Mỹ đã về hưu lặng lẽ ẩn vào gian đơi nhỏ của một khách sạn từ thời thực dân...

*Một cựu binh tóc hoa râm
Ngồi bên cửa kính xanh
Những giọt mưa ảm áp tí tách rơi.*

Hay như khi đi Củ Chi, ông viết:

Sau khi lang thang từ sáng sớm dọc sông Sài Gòn cùng nhiều đoàn người, tôi ra khỏi thành phố theo con đường phía Tây. Tôi đi qua những đồng ruộng xanh mơn mớn và xóm làng dẫn đến địa đạo Củ Chi. Tôi dừng để lấy nước ở nơi nông thôn trù phú này, theo nhân dân kể lại, là nơi chiến tranh, bom nhiều hơn lúa.

*Một bà má mỉm cười
Chống chiếc nạng sắt
Chào bán những bó hoa hồng.*

Nhờ được tiếp xúc với cựu binh Mỹ như vậy, tôi giới thiệu sơ qua thơ họ để độc giả hiểu thêm tâm trạng họ, ngõ hầu tránh được hiểu nhầm khi tiếp xúc ở lĩnh vực khác như văn hóa, kinh doanh...

